

**NGHIÊN CỨU XÁC LẬP CƠ SỞ ĐỊA LÝ**  
**PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**  
**VÀ SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN**  
**HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

1. Họ và tên nghiên cứu sinh: TRẦN ANH TUẤN
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 28/02/1977
4. Nơi sinh: Thanh Hoá
5. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh: Quyết định số 2385/SĐH ngày 29/06/2007 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Các thay đổi trong quá trình đào tạo: Quyết định bổ sung giáo viên hướng dẫn 2
7. Tên luận án: “Nghiên cứu xác lập cơ sở địa lý phục vụ phát triển kinh tế và sử dụng hợp lý tài nguyên huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”.
8. Chuyên ngành: Sử dụng và Bảo vệ tài nguyên môi trường
9. Mã số: 62 85 15 01
10. Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS.TS Nguyễn Cao Hoàn; PGS.TS Trần Anh Tuấn
11. Tóm tắt các kết quả mới của luận án:

1. Cơ sở địa lý học trên quan điểm nghiên cứu, đánh giá cảnh quan là nghiên cứu cấu trúc đứng, cấu trúc ngang và cấu trúc thời gian của lãnh thổ hay nói cách khác chính là nghiên cứu đặc điểm, cấu trúc, chức năng và động lực cảnh quan. Trên cơ sở phân tích, đánh giá cảnh quan theo quan điểm liên kết lưu vực và cảnh quan, luận án đã tiến hành nghiên cứu tổng hợp điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên theo các đơn vị cảnh quan, đánh giá cảnh quan phục vụ cho định hướng tổ chức không gian phát triển nông, lâm nghiệp, du lịch và xác lập mô hình kinh tế sinh thái bền vững theo hướng liên kết và quản trị vùng trong sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

2. Đặc điểm nền địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật và các hoạt động sử dụng tài nguyên trong huyện là các yếu tố thành tạo cảnh quan có vai trò nhất định đối với sự phân hóa và đa dạng của cảnh quan huyện Quảng Ninh. Yếu tố nền rắn: địa chất, địa hình là nền tảng cho sự hình thành và phát triển của CQ, phân hóa các lớp CQ khác nhau. Khí hậu, thủy văn là những nhân tố động lực biến đổi CQ, thực hiện các chức năng trao đổi và vận chuyển vật chất bên trong cảnh quan và giữa các cảnh quan với nhau. Sinh vật quần là nhân tố điều chỉnh, phục hồi cảnh quan. Đặc biệt, các hoạt động khai thác tài nguyên của con người làm biến đổi cảnh quan tự nhiên thành cảnh quan nhân sinh và là nhân tố không thể thiếu đối với sự phát triển của cảnh quan hiện đại.

Sự phân hóa đa dạng và phức tạp của các nhân tố thành tạo cảnh quan huyện Quảng Ninh quy định tính phức tạp, đa dạng về cấu trúc, chức năng, động lực và tính trội trong phân hóa cảnh quan, được thể hiện trong hệ thống phân loại cảnh quan gồm: 2 kiểu/ 3 lớp/9 phụ lớp/20 Hạng/37 loại cảnh quan.

Trên cơ sở phân tích sự phân hóa cảnh quan luận án đã phân chia thành 7 tiểu vùng cảnh quan cho huyện Quảng Ninh : (1) Tiểu vùng cảnh quan đồi núi phía tây xã Trường Sơn; (2) Tiểu vùng đồi núi phía nam xã Trường Sơn; (3) Tiểu vùng cảnh quan núi đá vôi;(4) Tiểu vùng cảnh quan đồi xen thung lũng phía đông bắc xã Trường Sơn và Trường Xuân; (5) Tiểu vùng cảnh quan đồng bằng tích tụ sông - biển; (6) Tiểu vùng cảnh quan đồng bằng cát ven biển; (7) Tiểu vùng cảnh quan ngập nước ven biển. Các tiểu vùng cảnh quan ở đây được dùng làm cơ sở để phân tích, đánh giá tiềm năng, tài

nguyên và định hướng phát triển nông, lâm nghiệp và du lịch của huyện theo quan điểm liên kết và quản trị vùng.

3. Xác định các chức năng kinh tế - xã hội của các tiểu vùng cảnh quan là cơ sở khoa học cho quản lý các hoạt động sử dụng tài nguyên một cách thống nhất. Trên cơ sở đó, đánh giá thích nghi sinh thái các cảnh quan và phân tích các quá trình tự nhiên trong cảnh quan là cơ sở để định hướng không gian cụ thể cho sử dụng lãnh thổ tuân theo chức năng kinh tế - xã hội của tiểu vùng. Nghiên cứu sinh đã vận dụng quan điểm và phương pháp luận này trong đánh giá cảnh quan quan đối với nông lâm nghiệp, du lịch và xói mòn đất huyện Quảng Ninh.

Kết quả đánh giá cho thấy: (1) Cảnh quan thuộc khu vực núi thấp, trung bình được đánh giá ưu tiên cao cho phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn; Các cảnh quan thuộc khu vực đồi cao và đồi thấp thích hợp với rừng sản xuất kết hợp với phòng hộ; Cảnh quan thuộc khu vực đồng bằng tích tụ có thể mạnh đối với phát triển lúa nước và cây ngắn ngày cần tưới; Cảnh quan thuộc dải cát ven biển thích nghi trồng rừng phòng hộ kết hợp với rừng sản xuất và cây trồng cận không cần tưới, các cảnh quan ven biển có tiềm năng cho phát triển du lịch bãi tắm. Đặc biệt, khu vực thượng nguồn sông Long Đại có tiềm năng phát triển du lịch mạo hiểm và chèo thuyền xuôi dòng Long Đại. (2) Nguy cơ xói mòn đất có xu hướng tăng dần từ đông sang tây theo độ cao địa hình: Các loại cảnh quan thuộc khu vực ven biển, đồng bằng tích tụ, và trũng cát không có nguy cơ xói mòn, còn lại là tăng dần theo hướng đồi thấp - đồi cao - núi thấp, núi trung bình. Thảm thực vật là yếu tố quan trọng trong việc hạn chế xói mòn đất, đặc biệt là vùng núi. Do đó, cần phải đưa ra các giải pháp và chính sách cũng như tổ chức lãnh thổ phù hợp với tiềm năng lãnh thổ đồng thời góp phần giảm thiểu tai biến thiên nhiên nói chung và xói mòn đất nói riêng.

4. Dựa trên sự phân hóa cảnh quan của lãnh thổ nghiên cứu từ đông sang tây, hiện trạng phát triển kinh tế, thực trạng liên kết và quản trị vùng, luận án đã đề xuất mô hình liên kết và quản trị vùng đối với huyện Quảng Ninh với sự liên kết của 4 nhà (nhà quản lý, nhà kinh tế, nhà nông, nhà khoa học) nhằm phát huy thế mạnh của từng khu vực và giải quyết các mâu thuẫn trong sử dụng tài nguyên.

5. Trên cơ sở kết quả đánh giá cảnh quan kết hợp với phân tích quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến 2020 bằng việc áp dụng phương pháp tính Thương số định vị để đánh giá tiềm năng, thế mạnh của từng vùng đối với từng lĩnh vực và dựa trên mô hình liên kết, quản trị vùng đã đề xuất. Luận án đã định hướng 17 không gian phát triển nông - lâm nghiệp và du lịch đối với các tiểu vùng CQ theo 9 hướng chính: (1) Ưu tiên phòng hộ; (2) Ưu tiên rừng sản xuất; (3) ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học trên núi đá vôi; (4) Ưu tiên trồng mới và tái sinh rừng; (5) Ưu tiên nông nghiệp; (6) Ưu tiên du lịch bãi tắm; (7) Ưu tiên đánh bắt hải sản ven bờ; (8) Các không gian du lịch mạo hiểm leo núi vùng cảnh quan đá vôi; (9) Không gian du lịch chèo thuyền mạo hiểm dọc sông Long Đại.

6. Nhằm sử dụng hiệu quả cảnh quan cát ven biển theo hướng kinh tế sinh thái, luận án đã lựa chọn và đề xuất mô hình hệ kinh tế sinh thái bền vững (cỏ - bò - giun - cá, gà - lợn - dưa chuột - Kỳ Nhông) với 5 ưu thế: i) Phù hợp và áp dụng được với nhiều loại cảnh quan khác nhau; ii) Cải tạo đất và thân thiện với môi trường; iii) Có thể biến tấu để phù hợp với điều kiện của nhiều đối tượng hộ gia đình nhất; iv) Hiệu quả kinh tế cao nhất cho một đơn vị vốn đầu tư; v) Ít rủi ro nhất.

12. Khả năng ứng dụng thực tiễn:

- Các kết quả nghiên cứu về cảnh quan và đề xuất định hướng sử dụng là những căn cứ khoa học tin cậy cho các nhà quản lý địa phương trong việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Mô hình kinh tế hộ sinh thái bền vững mà luận án trên cảnh quan đồng bằng cát ven biển mà luận án đã nghiên cứu và đề xuất là mô hình có thể đầu tư nhân rộng nhằm cải thiện khí hậu và sử dụng hợp lý, hiệu quả dải cát ven biển cho mục đích phát triển kinh tế xã hội khu vực ven biển huyện Quảng Ninh và có thể nhân rộng áp dụng cho dải cát ven biển các tỉnh miền Trung lân cận.

13. Các hướng nghiên cứu tiếp theo:

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng khoa học quản trị vùng và liên kết vùng trong sử dụng bền vững cảnh quan phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội cấp huyện và liên huyện.

- Nghiên cứu ứng dụng mô hình kinh tế hộ sinh thái bền vững trên vùng cát ven biển các tỉnh miền Trung và cải tiến mô hình để áp dụng cho cả vùng trung du và miền núi.

14. Các công trình công bố liên quan đến luận án:

1. Dư Vũ Việt Quân, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Trần Hải Châu, Trần Anh Tuấn, (2010) “Xác lập cơ sở khoa học địa lý xây dựng mô hình kinh tế sinh thái hộ gia đình phục vụ phát triển bền vững ở huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”, Tuyển tập các công trình khoa học Hội nghị Khoa học Địa lý Toàn quốc lần thứ 5, tháng 6/2010, tr. 309 - 319.
2. Tran Anh Tuan (2012) “Study on effectiveness of the household ecological economic models for sustainable development in Quang Ninh district, Quang Binh provine”, VNU journal of Science, Natural Sciences and Technology 28 (5S), pp. 145 - 154.
3. Phạm Quang Anh, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Cao Hoàn, Trần Anh Tuấn, (2013) “Mô hình hệ kinh tế sinh thái gia trại bền vững trên dải cát ven biển huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Các Khoa học Trái đất và Môi trường Vol. 29, No. 2, (2013) 56-66.